

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2022/HSST
Ngày 22/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Quảng.

Ông Trần Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2022/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/HSST-QĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34A/2022/HSST-QĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 09/01/1985; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn QT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế V và bà Đặng Thị T3; có vợ là Trần Thị H2 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 10/2006 tham gia quân đội tại Trung đoàn 43, Sư đoàn 395, Quân khu 3, tháng 01/2008 xuất ngũ, trở về địa phương. Ngày 11/01/2018 bị phòng cảnh sát hình sự, Công an tỉnh T2 xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng, ngày 16/1/2018 chấp hành xong; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Ch1, sinh ngày 15/01/1983; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn TC, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc O và bà Đinh Thị H2 (đều đã chết); có vợ là Trương Thị Th và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 05/2012/HSST, ngày 17/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", đã được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn H1, sinh ngày 25/3/1983; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân H3 và bà Nguyễn Thị H4; có vợ là Vũ Thị TH và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Văn Q1, sinh ngày 10/02/1990; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn HD, xã NT1, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T4 và bà Nguyễn Thị L2; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/5/2014 bị công an huyện T1, tỉnh T2 xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000 đồng, ngày 28/5/2014 chấp hành xong. Ngày 17/12/2014, bị Công an huyện T1, tỉnh T2 xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000 đồng, ngày 18/12/2014 chấp hành xong; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Đào Văn S1, sinh ngày 13/12/1980; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn S2 (đã chết) và bà Trương Thị H5; có vợ là Phạm Thị S3 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Trương Văn L2, sinh ngày 27/8/1984; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn TC, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Th2 và bà Trương Thị Tr; có vợ là Phạm Thị H6 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thế L1, sinh ngày 04/6/1989; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn HC, xã NT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị A; có vợ là Ngô Thị AN và 01 con, sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thế L1: Bà Đỗ Thị D1, sinh năm 1986, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T2 (có mặt).

Địa chỉ tại: Số x Phố H7, Phường L4, thành phố T2, tỉnh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 04/8/2022, Hoàng Văn Q1,

Nguyễn Văn Ch1, Đào Văn S1 đến nhà Nguyễn Văn Đ1 ăn cơm. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày cả nhóm ăn uống xong thì có thêm Trần Văn H1 đến. Trong lúc ngồi uống nước H1, Đ1, Q1, Ch1, S1 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi liêng sát phạt nhau bằng tiền. Đ1 đi vào phòng ngủ lấy một chiếc chăn bằng vải trải ra nền nhà phòng khách rồi lấy một bộ lơ khơ 52 cây cùng Q1, Ch1, H1, S1 đánh bạc. Các đối tượng quy Đ1 tiền đặt cửa mỗi ván là 20.000 đồng, tổ thấp nhất 40.000 đồng, cao nhất không quá 600.000 đồng, nếu ai được sấp, đồng hoa thì cho chủ nhà 50.000 đồng và 30.000 đồng. Cả nhóm chơi đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày thì có Nguyễn Thế L1 đến tham gia đánh bạc, đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày tiếp tục có Trương Văn L2 đến cùng tham gia đánh bạc. Nguyễn Văn Ch1 chơi đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày Ch1 vào ngủ khoảng 30 phút rồi tiếp tục ra đánh bạc cùng Đ1, Q1, H1, S1, L2 và L1. Chơi đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 05/8/2022 thì L1 không chơi nữa đứng dậy đi về, sau đó L2 cũng đứng dậy ra về. Ch1, Đ1, H1, Q1, S1 tiếp tục chơi. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày thì Đ1 đi ngủ, S1 đi về, còn lại H1, Q1, Ch1 tiếp tục đánh bạc đến 12 giờ 00 phút ngày 05/8/2022 thì bị tổ công tác công an huyện T1 phát hiện bắt quả tang thu giữ tại hiện trường nơi các đối tượng đánh bạc 01 bộ lơ khơ 52 cây; 01 chăn bằng vải; số tiền 2.360.000 đồng trên chăn vải; số tiền 5.660.000 đồng của Trần Văn H1 tự nguyện giao nộp đặt lên trên chiếc chăn khai nhận sử dụng để đánh bạc. Ngoài ra Công an huyện T1 còn quản lý tổng số tiền 7.360.000 đồng của Nguyễn Văn Ch1, Hoàng Văn Q1 và Nguyễn Thế L1 cùng một số vật chứng khác.

Quá trình điều tra đã xác Đ1 được tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Trần Văn H1, Nguyễn Văn Ch1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 mang theo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.310.000 đồng (quản lý được 15.380.000 đồng). Trong đó các đối tượng khai bản thân sử dụng số tiền để đánh bạc, cụ thể như sau:

- Nguyễn Văn Đ1 khai có 3.000.000 đồng, Đ1 trực tiếp sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, còn 1.500.000 đồng cho S1 vay đánh bạc. Quá trình đánh bạc do thắng nên Đ1 tiếp tục cho L2 vay 1.000.000 đồng, Đ1 được các đối tượng có sấp và đồng hoa cho 200.000 đồng, Đ1 đã dùng hết số tiền này để đánh bạc, đến khi bị bắt đã thua hết.

- Nguyễn Văn Ch1 khai mang theo 5.860.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang đã tự nguyện giao nộp hết số tiền đánh bạc.

- Trần Văn H1 khai mang theo 4.000.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi H1 bị thua hết nên vay của Đào Văn S1 1.000.000 đồng. Khi bị bắt còn 5.660.000 đồng để trong túi sau đó đã tự nguyện giao nộp.

- Hoàng Văn Q1 khai mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt Q1 đang thua 700.000 đồng, còn lại 1.300.000 đồng để dưới chăn vải. Khi lực lượng công an bắt giữ Q1 bỏ chạy chỉ cầm theo 50.000 đồng, số tiền này sau đó Q1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an.

- Đào Văn S1 không mang theo tiền, S1 vay của Đ1 1.500.000 đồng dùng hết vào việc đánh bạc. Quá trình chơi S1 thắng nên đã cho H1 vay 1.000.000 đồng. Tổng số tiền S1 sử dụng vào việc đánh bạc là 1.500.000 đồng.

- Trương Văn L2 khai mang theo 350.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc do bị thua nên L2 vay thêm của Đ1 1.000.000 đồng và bị thua hết. Tổng số tiền L2 sử dụng để đánh bạc là 1.350.000 đồng.

- Nguyễn Thế L1 sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc, thắng được 350.000 đồng, khi ra về L1 có 1.450.000 đồng sau đó đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Ch1, Đ1, H1, L1, L2, Q1, S1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 104/CT-VKSTH ngày 31/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Ch1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm.

3. Đối với bị cáo Trần Văn H1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

4. Đối với bị cáo Hoàng Văn Q1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

5. Đối với bị cáo Đào Văn S1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

6. Đối với bị cáo Nguyễn Thế L1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

7. Đối với bị cáo Trương Văn L2: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Viện Kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo lao động tự do, không có tài sản và thu nhập ổn định. Ngoài ra, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tền Hải đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế L1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 04/8/2022, tại chỗ ở của Nguyễn Văn Đ1 ở thôn QT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2, Nguyễn Văn Đ1 cùng Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền, tiền đặt cửa mỗi ván là 20.000 đồng, tổ thấp nhất là 40.000 đồng, cao nhất là 600.000 đồng, chơi đến khoảng 12 giờ 00 phút ngày 05/8/2022 thì bị Công an huyện T1 phát hiện bắt quả tang thu trên chiếu bạc tổng số tiền 8.020.000 đồng (trong tổng số tiền 16.310.000 đồng các đối tượng mang theo sử dụng vào việc đánh bạc), 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếc chặn bằng vải cùng một số vật chứng khác.

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T1, tỉnh T2 lập ngày 05/8/2022 tại UBND xã NT, huyện T1; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T1, tỉnh T2 lập ngày 05/8/2022 tại nhà ở của Nguyễn Văn Đ1; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T1, tỉnh T2 lập ngày 05/8/2022; Các biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T1, tỉnh T2 lập ngày 05 và 06/8/2022 tại Công an huyện T1; Kết luận giám Đ1 số 174/KL-KTHS ngày 22/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh T2, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Như vậy, vào tối ngày 04/8/2022 đến 12 giờ ngày 05/8/2022, các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 đánh bạc tại nhà của Nguyễn Văn Đ1 dưới hình thức chơi liêng sát phạt nhau bằng tiền tại gian phòng khách, sau đó là phòng ngủ của gia đình Nguyễn Văn Đ1 thì bị Công an huyện T1 phát hiện bắt quả tang thu trên chiếu bạc thu trên chiếu bạc tổng số tiền 8.020.000 đồng (trong tổng số tiền 16.310.000 đồng các đối tượng mang theo sử dụng vào việc đánh bạc), 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếc chặn bằng vải cùng một số vật chứng khác. Tuy nhiên, trong quá trình đánh bạc, các đối tượng có cho nhau vay tiền để đánh bạc, do vậy, số tiền các bị cáo vay được xác Đ1 là số tiền các đối tượng tham gia đánh bạc. Như vậy, có đủ cơ sở xác Đ1 bị cáo Đ1 đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo Ch1 đánh bạc với số tiền 5.860.000 đồng, bị cáo H1 đánh bạc với số tiền 5.000.000 đồng (trong đó bị cáo mang theo 4.000.000 đồng và vay của bị cáo S1 1.000.000 đồng), bị cáo Q1 đánh bạc với số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo S1 đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng (vay của bị cáo Đ1), bị cáo L1 đánh bạc với số tiền 1.100.000 đồng, bị cáo L2 đánh bạc với số tiền 1.350.000 đồng (trong đó bị cáo mang theo 350.000 đồng và vay của bị cáo Đ1 1.000.000 đồng), tổng số tiền các bị cáo mang theo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.310.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy Đ1 tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy Đ1 tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật hình sự. Tội đánh bạc:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy Đ1 tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy Đ1 tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, là ân họa của nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật song vẫn thực hiện, đồng phạm trong việc thực hiện tội đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự chuẩn bị, lên kế hoạch phạm tội từ trước; các bị cáo Ch1, Q1, S1 đến nhà Đ1 ăn cơm tối, sau đó H1 đến rồi cả nhóm rủ nhau đánh bạc, sau đó có các bị cáo khác là L1, L2 đến cùng các bị cáo khác đánh bạc.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này, tất cả 07 bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (Người phạm tội thành khẩn khai báo); các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng). Sau khi phạm tội, các bị cáo L1, L2, S1 ra đầu thú, bị cáo Đ1 tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Đ1 có 01 lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Q1 có 02 lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Ch1 bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy Đ1 về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, đã được xóa án tích.

[6] Về trách nhiệm hình sự:

[6.1] Xét mức độ, vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo Ch1 là người đánh bạc với số tiền nhiều nhất là 5.860.000 đồng nên xếp thứ nhất; bị cáo Đ1 đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng nhưng cùng các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình, chuẩn bị chặn vải, bài lơ khơ để đánh bạc nên cùng xếp thứ nhất với bị cáo Ch1; bị cáo H1 đánh bạc với số tiền là 5.000.000 đồng xếp thứ hai; bị cáo Q1 đánh bạc với số tiền 2.000.000 đồng nên xếp thứ 3; bị cáo S1 đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo L2 đánh bạc với số tiền 1.350.000 đồng, bị cáo L1 đánh bạc với số tiền 1.100.000 đồng, là tương đương nhau nên cùng xếp thứ 4 trong vụ án.

[6.2] Tất cả ác bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; bị cáo Ch1, Đ1, Q1 có nhân thân đã lâu, bản thân sau khi phạm tội chấp hành tốt chủ trương chính sách, pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục các bị cáo và là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.3] Các bị cáo đều lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7] Trong vụ án này: Đối với chị Trần Thị H1, sinh năm 1986, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn ĐL, xã NT, chỗ ở hiện nay tại thôn QT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2 là vợ của Nguyễn Văn Đ1. Tài liệu điều tra thể hiện chỗ của vợ chồng chị H1 gồm có 02 ngôi nhà 01 tầng ở gần nhau. Sau khi Q1, Ch1, S1, Đ1 ăn cơm tối tại nhà chị H1 xong, chị H1 đi thu dọn và sang ngôi nhà bên cạnh nơi bán hàng để nghỉ. Việc Đ1 để cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ngôi nhà bên cạnh chị H1 không biết, chị H1 không xúi giục, giúp sức cho các đối tượng đánh bạc nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị H1 là phù hợp với quy Đ1 của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn Đ1 mặc dù có hành vi nhận 200.000 đồng tiền hồ từ các đối tượng đánh bạc tuy nhiên tài liệu điều tra xác định: Đ1 không rủ rê, lôi kéo các đối tượng đến nhà Đ1 đánh bạc, không tổ chức canh coi, cầm cố tài sản cho người

tham gia đánh bạc, tổng số người tham gia đánh bạc tại nhà Đ1 là dưới 10 người, tổng số tiền chứng minh dùng vào việc đánh bạc dưới 20.000.000 đồng, nên Cơ quan điều tra không khởi tố đối với Đ1 về tội “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” là có căn cứ, đúng quy Đ1 của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý tổng số tiền 15.380.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếc chăn bằng vải, 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS: x- y; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu xám; 01 điện thoại di động ViVo màu vàng; 01 xe đạp điện màu đỏ; 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng.

[8.1] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter BKS: x- y; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu xám; 01 điện thoại di động ViVo màu vàng; 01 xe đạp điện màu đỏ; 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng không liên quan đến hành vi đánh bạc là phù hợp với quy Đ1 của pháp luật.

[8.2] Đối với số tiền 15.380.000 đồng, trong đó có 2.360.000 đồng thu trên chăn vải của chiếu bạc, 5.660.000 đồng của Trần Văn H1 tự nguyện giao nộp đặt lên trên chiếc chăn khai nhận sử dụng để đánh bạc, 7.360.000 đồng của Nguyễn Văn Ch1, Hoàng Văn Q1 và Nguyễn Thế L1 (Ch1 5.860.000 đồng, Q1 50.000 đồng, L1 1.450.000 đồng) khai nhận đều sử dụng vào mục đích đánh bạc, xác Đ1 là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc cần tịch thu sung quỹ.

[8.2] Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếc chăn bằng vải tại chiếu bạc xác Đ1 là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo Đ1, Ch1, H1, Q1, S1, L2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thế L1 thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch1 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H1 01 năm tù nhưng cho

hưởng án treo; thời gian thử thách 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q1 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn S1 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L1 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn L2 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T1, tỉnh T2 giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Hoàng Văn Q1 cho Ủy ban nhân dân xã NT1, huyện T1, tỉnh T2 giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết Đ1 buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung quỹ số tiền 15.380.000 đồng, trong đó có 2.360.000 đồng thu trên chăn vải của chiếu bạc, 5.660.000 đồng thu của Trần Văn H1, 5.860.000 đồng thu của Nguyễn Văn Ch1, 1.450.000 đồng thu của Nguyễn Thế L1, 50.000 đồng thu của Hoàng Văn Q1 Q1; tịch thu tiêu hủy 01 chăn vải, 01 bộ lơ khơ 52 cây.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2022 tại Công an huyện T1, tỉnh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1, Đào Văn S1, Trương Văn L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thế L1 được miễn án phí.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Ch1, Trần Văn H1, Hoàng Văn Q1,

Đào Văn S1, Nguyễn Thế L1, Trương Văn L2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 22/12/2022./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền